TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HC–PT
Ngày 09 tháng 01 năm 2024
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Lê Giang và ông Nguyễn Xuân Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 793/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15208/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện*:** Bà Lưu Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà B, phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Xuân H và bà Trần Thanh T, Luật sư Văn phòng L, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số A, ngõ H, H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

***2. Người bị kiện**:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vi Quốc P, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lương Ngọc T1, chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T; vắng mặt.

- Ông Lê Văn N và bà Hiên Thị M; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt

- Ông Trần Tiến T2; địa chỉ: Phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị T3; địa chỉ: Phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Lưu Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện bà Lưu Thị D trình bày:

Bà đang quản lý, sử dụng ổn định 471m^2 đất, trong đó có 400m^2 đất tăng gia của Tiểu đoàn 214 cho gia đình năm 1981 và 71m^2 đất bà Đinh Thị S cho năm 1988. Diện tích đất trên bà đã xây dựng công trình nhà ở và trồng cây lâu năm, có tứ cận khép kín, phía Đông giáp nhà ông Hồ Đức B; phía Nam tiếp giáp cống thoát nước; phía Tây giáp cống, phía Bắc tiếp giáp đường thị trấn; không tranh chấp, không lấn chiếm quy hoạch của địa phương.

Ngày 01/10/2002 bà nộp đơn xin hợp thức hóa toàn bộ diện tích đất (400m^2), diện tích đất còn lại của bà S cho chưa xin hợp thức hóa. Ngày 05/12/2002 UBND huyện T ban hành Quyết định số 966/QĐ-UB công nhận hợp thức cho bà 200m^2 và phải nộp 20% tiền sử dụng đất, lệ phí địa chính, trước bạ (Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất); diện tích đất còn lại chưa được hợp thức hóa là 271m^2 bà vẫn quản lý, sử dụng. Ngày 03/4/2008, bà được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số AI 783179, số vào sổ cấp GCN H2025, diện tích 255,3m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 55,3m^2 đất vườn; diện tích chưa được cấp là 215,7m^2 nhưng ghi trong GCNQSDĐ là đất ruộng. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ngày 29/4/2008 bà tặng cho em là Lưu Ngọc T4 41,25m^2 đất ở; diện tích còn lại là 429,7m^2 bà vẫn quản lý, sử dụng.

Năm 2009 Nhà nước đo vẽ bản đồ địa chính, đất của bà được thể hiện tại thửa đất số 84, tờ bản đồ địa chính số 59, diện tích là 319,7m^2 đất ở đô thị; diện tích đất còn lại ngoài bản đồ địa chính 110m^2 bà vẫn quản lý sử dụng ổn định.

Năm 2018 bà làm hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất ở đối với 71m^2 đất bà S cho và ngày 05/6/2018 UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CH 475042, số vào sổ cấp GCN: CH0038. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ngày 26/5/2021 bà chuyển nhượng thửa đất 71m^2 này cho ông Hoàng Văn C.

Do ông C lấn chiếm của bà 10m^2 đất liền kề của bà nên bà làm đơn yêu cầu

UBND thị trấn T giải quyết. Trong quá trình giải quyết, bà Trần Thị T3 cho rằng toàn bộ khoảng 144,7m^2 đất của bà (trong GCNQSDĐ ghi đất ruộng) đã được cấp GCNQSDĐ nên là đất của bà T3; bà có đơn yêu cầu làm rõ.

Ngày 02/12/2021 Thường trực Huyện ủy, Ban KT-TT huyện và Phòng TNMT cùng UBND thị trấn T có biên bản giải quyết thì bà mới biết phần diện tích đất trên của bà đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017 cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M, với diện tích là 193,5m^2 đất TCLN, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 59 (Hồ sơ có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ ngày 03/01/2017 ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M; sơ đồ có xác nhận của các hộ giáp ranh về ranh giới sử dụng đất gồm ông Hồ Đức B, bà Lưu Thị D; biên bản họp xét nguồn gốc sử dụng đất của Hội đồng xét duyệt do UBND thị trấn chủ trì trên cơ sở kết quả phiếu ý kiến khu dân cư).

Ngày 18/4/2017, ông N, bà M chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho ông Trần Tiến T2. Ngày 13/11/2018, ông T2 chuyển mục đích 131,8m^2 đất TCLN sang đất ở. Ngày 24/3/2020, ông T2 tặng cho toàn bộ thửa đất 193,5m^2 (đất ở 131,8m^2, đất TCLN 61,7m^2) cho bà Trần Thị T3 sử dụng đến nay.

UBND huyện T ban hành Thông báo số 132/TB-UBND ngày 30/9/2022 trả lời đơn kiến nghị của bà là không đúng. Theo bà, quy trình cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M và đăng ký biến động đất đai cho ông Trần Tiến T2, bà Trần Thị T3 là trái quy định của pháp luật nên bà khởi kiện, yêu cầu:

1. Hủy Thông báo số 132/TB-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện T về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Lưu Thị D.

2. Hủy GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017 mang tên ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M.

3. Hủy phần đăng ký biến động mang tên ông Trần Tiến T2 trên GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017.

4. Hủy một phần Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất từ đất TCLN sang đất ở và GCNQSDĐ sau khi chuyển mục đích sử dụng mang tên ông Trần Tiến T2.

5. Hủy phần đăng ký biến động đất đai mang tên bà Trần Thị T3 trên GCNQSDĐ mang tên ông Trần Tiến T2.

- Người bị kiện UBND huyện T trình bày:

1. Về yêu cầu tuyên bố hủy Thông báo số 132/TB-UBND ngày 30/9/2022:

Sau khi nhận được Phiếu chuyển đơn số 154-CV/UBKTTU/ĐT ngày 20/5/2022 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Q về việc chuyển đơn của bà Lưu Thị D. UBND huyện T đã chỉ đạo Phòng T5 chủ trì, phối hợp với UBND thị trấn T kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hồ sơ, trưng cầu, lấy lại ý kiến khu dân cư xung quanh các hộ liền kề sử dụng đất lâu năm ở khu vực về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất

của thửa đất 83, tờ bản đồ địa chính số 59 của ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M. Kết quả lấy ý kiến của 10 người dân sống lâu năm, có sử dụng đất trước hoặc cùng thời điểm với ông N, bà M, nguồn gốc khu dân cư xác nhận: Thửa đất ông N, bà M được giao, chia đất từ Hợp tác xã N1 cũ từ năm 1987 để sản xuất nông nghiệp; đến năm 1999 - 2000 Nhà nước thi công đường Quốc lộ 18A mới, đất đá thi công đường Quốc lộ bị đổ xuống thửa đất, không còn lấy được nước để sản xuất nên gia đình chuyển sang trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Thửa đất cấp GCNQSDĐ số CH 475042 cho bà Lưu Thị D ngày 05/6/2018, diện tích 71m^2 đất trồng cây lâu năm liền kề thửa đất cấp cho ông N, bà M đã được các hộ giáp ranh xác nhận ranh giới sử dụng đất.

Từ các kết quả đã giải quyết về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất trên, việc UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CH 486812, ngày 02/3/2017 với tổng diện tích 193,5m^2 đất trồng cây lâu năm cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M là đúng theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và hướng dẫn thi hành tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Bà D yêu cầu tuyên hủy Thông báo số 132/TB-UBND ngày 30/9/2022 là không có cơ sở.

2. Về yêu cầu tuyên hủy GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017 mang tên ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M:

Quy trình cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông N, bà M: Ngày 23/01/2017, gia đình ông N, bà M nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ, gồm: Đơn xin đăng ký, cấp GCNQSDĐ, Chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu bản sao, sơ đồ cấp mới có chữ ký xác nhận của 02 hộ giáp ranh ông Ngô Đức B1, bà Lưu Thị D, Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 23/01/2017, Biên bản họp xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn T, Phiếu ý kiến khu dân cư, danh sách công khai tại Trung tâm hành chính công huyện T; sau đó Trung tâm hành chính công chuyển cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T thụ lý, giải quyết theo quy định. Ngày 20/02/2017, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T phối hợp cùng UBND thị trấn T tiến hành kiểm tra xác minh hiện trạng thực địa khu đất xin cấp mới của gia đình ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M. Qua kiểm tra diện tích xin cấp GCNQSDĐ là: 193,5m^2, đất trồng cây hàng năm là đúng hiện trạng sử dụng. Ngày 27/02/2017, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã ký xác nhận đơn xin cấp GCNQSDĐ, sơ đồ cấp mới và chuyển hồ sơ cho Phòng T5 thẩm định. Ngày 01/03/2017, Phòng T5 có Tờ trình số 79/TTr-TNMT về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ; tham mưu cho UBND huyện T phê duyệt quyết định công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông N, bà M. Ngày 02/03/2017 UBND huyện T ban hành Quyết định số 744/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ số phát hành CH 486812

cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M với diện tích là 193,5m^2, đất trồng cây hàng năm. *(Ghi chú: thửa đất có 61,5m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường Quốc lộ 18A).*

Như vậy, quy trình thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông N, bà M là đúng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

3. Về yêu cầu tuyên hủy phần đăng ký biến động đất đai mang tên ông Trần Tiến T2 trên GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017:

Ông Trần Tiến T2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông N, bà M, được Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh chứng thực (số chứng thực 87 quyển số 01-SCT/HĐ,GD ngày 27/3/2017) theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về yêu cầu tuyên hủy một phần Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở và GCNQSDĐ sau khi chuyển mục đích sử dụng mang tên ông Trần Tiến T2:

Hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của ông Trần Tiến T2 đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 52; điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai; sau đó đã trình UBND huyện T ban hành Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 13/01/2018 về việc cho phép chuyển mục đính sử dụng đất, trong đó cho phép ông T2 chuyển mục đích sử dụng 131,8m^2 đất trồng cây lâu năm sang mục đích đất ở; ông T2 đã thực hiện nộp tiền sử dụng đất và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đính chính nội dung chuyển mục đích trên GCNQSDĐ là đúng theo quy định của pháp luật.

5. Về yêu cầu tuyên hủy phần đăng ký biến động đất đai mang tên bà Trần Thị T3 trên GCNQSDĐ tên ông Trần Tiến T2:

Phần đăng ký biến động đất đai mang tên bà Trần Thị T3 trên GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/03/2017 là dựa trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực 85, quyển số 01-SCT/HĐ,GD ngày 06/03/2020, được Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh chứng thực đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, không có căn cứ hủy phần đăng ký biến động đất đai mang tên bà Trần Thị T3 trên GCNQSDĐ mang tên ông Trần Tiến T2.

6. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Lưu Thị D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn T trình bày:

Thống nhất với quan điểm của UBND huyện T đã trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N và bà Hiên Thị M trình bày:

Việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 59 gia đình được

giao, chia đất từ Hợp tác xã N1 cũ từ năm 1987 để sản xuất nông nghiệp; đến năm 1999 - 2000 Nhà nước thi công đường Quốc lộ 18A mới, đất đá thi công đường Quốc lộ bị đổ xuống thửa đất, không còn lấy được nước để sản xuất nên gia đình chuyển sang trồng cây lâu năm sử dụng ổn định không có tranh chấp đến khi được cấp GCNQSDĐ số CH 486812 do UBND huyện T cấp ngày 02/3/2017. Việc cấp GCNQSDĐ lần đầu đối với thửa đất trên cho gia đình của UBND huyện T là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tiến T2 trình bày:

Ông đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông bà H1 - M, thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ; ông đã xin chuyển mục đích từ đất TCLN sang đất ở và tặng cho bà Trần Thị T3 toàn bộ thửa đất, đã được đăng ký biến động đất đai theo đúng quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T3 trình bày:

Bà đã nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Trần Tiến T2 đúng quy định; sau khi nhận tặng cho đã quản lý, sử dụng ổn định nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị D.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 31/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án; xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị D về các nội dung: Hủy Thông báo số 132/TB-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện T về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Lưu Thị D; hủy GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017 mang tên ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M; hủy phần đăng ký biến động mang tên ông Trần Tiến T2 trên GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017; hủy một phần Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất từ đất TCLN sang đất ở và GCNQSDĐ sau khi chuyển mục đích sử dụng mang tên ông Trần Tiến T2; hủy phần đăng ký biên động đất đai mang tên bà Trần Thị T3 trên GCNQSDĐ mang tên ông Trần Tiến T2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2023, người khởi kiện bà Lưu Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện bà Lưu Thị D giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Theo hồ sơ quản lý đất đai của UBND các cấp huyện T lưu giữ, lời trình bày của bà D thì bà D sử dụng 471m^2, được UBND thị trấn T xác nhận, có tên và ghi trong sổ mục kê; trong bản đồ số 59, lập năm 2009 ghi bà D sử dụng 391m^2 là không chính xác. Toàn bộ diện tích đất bà D sử dụng là đất tăng gia của Tiểu đoàn 214, năm 2009 bà D đã được UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất bằng việc cấp GCNQSDĐ với diện tích 255,3m^2, trong đó có 200m^2 đất ở; số diện tích đất còn lại 217m^2 bà D vẫn quản lý, sử dụng, đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Sau khi trừ đi phần diện tích đất cho em trai 41,25m^2 và phần diện tích đất 71m^2 bán cho ông C thì bà D vẫn còn 304,75m^2 nhưng hiện nay chỉ còn 217m^2; phần diện tích đất còn thiếu của bà D thì UBND huyện T đã lấy và cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M. Việc UBND huyện T chưa làm rõ phần diện tích đất này là đất của ai mà đã lấy để cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M và sau đó đã đồng ý cho đăng ký biến động do mua bán, tặng cho ông Trần Tiến T2, bà Trần Thị T3 là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của bà D. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

- Người khởi kiện bà Lưu Thị D trình bày bổ sung: Sát thửa đất của bà chỉ có gia đình ông B1, còn lại đất của bà có 02 mặt giáp đường đi, 01 mặt đất là giáp cống thoát nước. Từ khi bà sinh sống trên đất không có ai ở sát nhà bà nữa, bà cũng không thấy có ai sử dụng phần đất cấp GCNQSDĐ cho ông N, bà M để làm ruộng, trồng cây, không có ông việc ông N, bà M trồng lúa, trồng rau hay trồng cây trên đất mà chỉ có bà sử dụng phần đất này để trồng rau. Toàn bộ diện tích đất bà đã kê khai, đã được UBND thị trấn T công nhận sử dụng 471m^2 đất, có tên trong sổ mục kê, đã được UBND huyện T công nhận 200m^2 đất ở, 55,3m^2 đất vườn; số đất còn lại bà vẫn quản lý, sử dụng. Sau khi trừ đi phần đất cho em trai và bán cho ông C thì bà còn thiếu 102m^2 đất vì còn có đất hành lang giao thông, phần đất cấp trong GCNQSDĐ cho ông N, bà M khi Toà án tỉnh Quảng Ninh đo là 88,1m^2. Việc UBND huyện T lấy đất của bà cấp cho người khác là không đúng nên đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà như các Luật sư đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Lưu Thị D là trong hạn luật định và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị D, giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Lưu Thị D là trong hạn luật định và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà có mặt người khởi kiện có kháng cáo, 02/03 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện do có 01 người từ chối tham gia; người bị kiện và người đại diện theo uỷ quyền vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là huỷ Thông báo số 132/TB-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện T về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Lưu Thị D; hủy GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017 mang tên ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M; Hủy phần đăng ký biến động mang tên ông Trần Tiến T2 trên GCNQSDĐ số CH 486812 ngày 02/3/2017; hủy một phần Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất từ đất TCLN sang đất ở và GCNQSDĐ sau khi chuyển mục đích sử dụng mang tên ông Trần Tiến T2 và Hủy phần đăng ký biến động đất đai mang tên bà Trần Thị T3 trên GCNQSDĐ mang tên ông Trần Tiến T2. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 7 và khoản 14 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Các Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của UBND huyện T về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M; Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện T về việc cho phép ông Trần Tiến T2 chuyển mục đích sử dụng đất từ đất TCLN sang đất ở mặc dù không bị khởi kiện nhưng là các quyết định hành chính có liên quan

nên bản án sơ thẩm xem xét, đánh giá là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của bà Lưu Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp về trình tự, thủ tục, thẩm quyền của các quyết định hành chính bị kiện và quyết định hành chính có liên quan:

Quyết định số 744/QĐ-UBND, ngày 02/3/2017 do UBND huyện T ban hành công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M; GCNQSDĐ số 486812, số vào sổ cấp GCN: CH 00111, ngày 02/3/2017 do UBND huyện T cấp cho ông N và bà M; việc đăng ký biến động đối với thửa đất này từ tên ông N, bà M sang tên ông Trần Tiến T2; Quyết định số 6273/QĐ-UBND, ngày 13/11/2018 của UBND huyện T ban hành cho phép ông T2 chuyển mục đích sử dụng đất và việc đăng ký biến động về loại đất sử dụng cho ông T2, chuyển quyền sử dụng cho bà Trần Thị T3 của UBND huyện T và các cơ quan trực thuộc là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[2.2] Xét tính hợp pháp về nội dung các quyết định hành chính bị kiện và quyết định hành chính có liên quan:

Căn cứ hồ sơ địa chính; các hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Lưu Thị D, ông Lê Văn N và bà Hiên Thị M, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai cho các ông Trần Tiến T2, bà Trần Thị T3 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, xác định: Nguồn gốc phần diện tích đất đo thực tế 88,1m^2 có tranh chấp mà bà Lưu Thị D cho rằng đây là đất của gia đình bà là phần đất có trong diện tích đất 193,5m^2 (đất TCLN) vào ngày 03/01/2017 ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M đã kê khai, nộp đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ. UBND thị trấn T đã thẩm định, sơ đồ thẩm định có xác nhận của hộ giáp ranh gồm chữ ký ông Hồ Đức B và chữ ký bà Lưu Thị D. Ngày 02/3/2017 UBND huyện T ban hành Quyết định số 744/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M, tổng diện tích được công nhận và cấp GCNQSDĐ là 193,5m^2 (thửa đất có 61,5m^2 đất thuộc hành lang an toàn bảo vệ đường QL 18A), vị trí thửa đất: Thửa đất số 83, tờ bản đồ địa chính số 59, phố H, thị trấn T, huyện T, mục đích sử dụng: Đất TCLN; nguồn gốc sử dụng: Đất do ông cha khai phá sử dụng trồng lúa từ năm 1960, đến năm 1999 Nhà nước thi công đường Quốc lộ 18A, do không có nước để cấy lúa nên chuyển mục đích trồng cây lâu năm. Ngày 02/3/2017 UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CH 486812, số vào sổ cấp GCN: CH 00111 đối với thửa đất này cho ông Lê Văn N và bà Hiên Thị M. Ngày 18/4/2017, ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất cho ông Trần Tiến T2, được UBND thị trấn T chứng thực và ngày 18/4/2017 được Văn phòng đăng ký quyền

sử dụng đất huyện T đăng ký biến động sang tên cho ông Trần Tiến T2. Ngày 13/11/2018, UBND huyện T ban hành Quyết định số 6273/QĐ-UBND cho phép ông Trần Tiến T2 chuyển mục đích sử dụng 131,8m^2 từ đất TCLN sang đất ở tại thửa đất này. Ngày 13/11/2018 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T đăng ký biến động cho ông Trần Tiến T2, theo đó thửa đất này có 131,8m^2 đất ở và 61,7m^2 đất TCLN. Ông Trần Tiến T2 tặng cho toàn bộ thửa đất này cho bà Trần Thị T3, được UBND thị trấn T chứng thực hợp đồng ngày 06/3/2020 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T đăng ký biến động sang tên cho bà Trần Thị T3 ngày 24/3/2020.

Như vậy, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 59, diện tích 193,5m^2 (đất ở 131,8m^2; đất TCLN 61,7m^2), trong đó có 88,1m^2 đất đo thực tế mà bà Lưu Thị D cho rằng là đất của bà là đất có nguồn gốc của ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CH 486812, ngày 02/3/2017, diện tích 193,5m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (TCLN); ông N, bà M chuyển nhượng cho ông Trần Tiến T2, sau đó ông Trần Tiến T2 chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất TCLN sang đất ở và tặng cho bà Trần Thị T3 và đã được đăng ký biến động về đất đai đúng quy định của pháp luật. Bà Lưu Thị D cho rằng UBND huyện T lấy đất của bà cấp cho ông Lê Văn N, bà Hiên Thị M là không có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm bà Lưu Thị D nộp văn bản có xác nhận của một số hộ dân về việc bà là người sử dụng phần đất này nhưng văn bản này không phải là chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất; ngoài ra bà Lưu Thị D trình bày cho rằng phần diện tích đất này là đất tăng gia của Tiểu đoàn 214 do gia đình bà quản lý, sử dụng hợp pháp từ trước năm 1981 nhưng không cung cấp được căn cứ chứng minh về việc được giao đất. Do đó, bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị D là có căn cứ pháp luật.

[3] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị D; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Lưu Thị D là người cao tuổi nên được được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Lưu Thị D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC–ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lưu Thị D.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng